

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO TỔNG KẾT
HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ NĂM 2018
(Căn cứ Phụ lục số 28 kèm theo Thông tư số 183/2011/TT-BTC)

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ:

- Tên quỹ:	Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Triển vọng Bảo Việt Viết tắt: BVPPF
- Loại hình quỹ:	Quỹ mở
- Mục tiêu đầu tư:	Tạo ra lợi nhuận có tính chất bền vững, dài hạn cho nhà đầu tư trên cơ sở khai thác hiệu quả cơ hội đầu tư vào các doanh nghiệp có nền tảng hoạt động tốt và triển vọng phát triển tại Việt Nam
- Thời gian hoạt động:	Không giới hạn
- Benchmark:	Lãi suất trúng thầu TP KBNN kỳ hạn 10 năm + 4% (<i>chỉ số tham chiếu để đánh giá nội bộ</i>)
- Chính sách phân chia lợi nhuận:	Lợi nhuận có thể được phân chia dưới hình thức bằng tiền hoặc bằng chứng chỉ quỹ theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư (<i>hoặc Ban Đại diện Quỹ theo ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư</i>).
- Số lượng đơn vị quỹ:	8.884.479,75 (<i>thời điểm 31/12/2018</i>)
- Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo:	Chi tiết đính kèm
- Nội dung nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư trong kỳ báo cáo:	Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2018: - Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017 - Thông qua việc không thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2017 cho Nhà đầu tư - Thông qua sửa đổi một số nội dung tại Điều lệ Quỹ

	- Phê duyệt Ngân sách hoạt động cho Ban Đại diện Quỹ năm 2018 - Bầu bổ sung thành viên và Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ - Lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính Quỹ BVPF năm 2018
- Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Điều 45 của Thông tư số 183/2011/TT-BTC:	Công ty quản lý quỹ đã thực hiện nghiêm chỉnh việc lập các báo cáo tuần, tháng, quý theo quy định cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

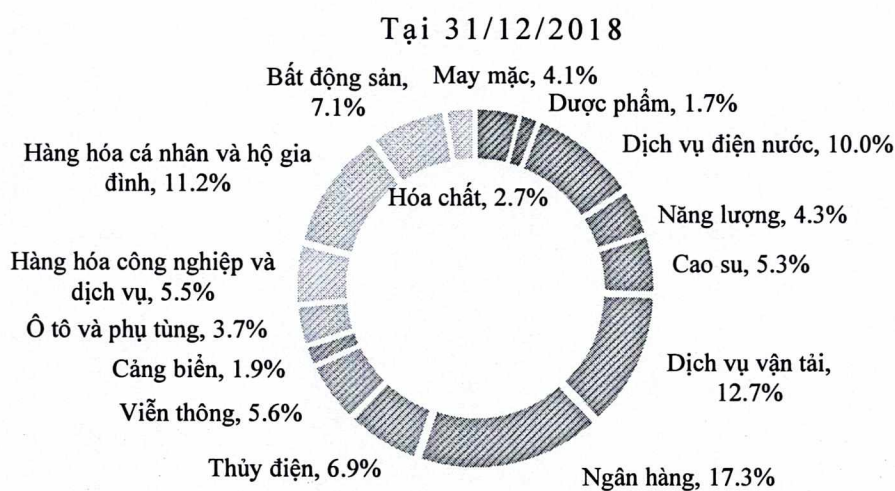
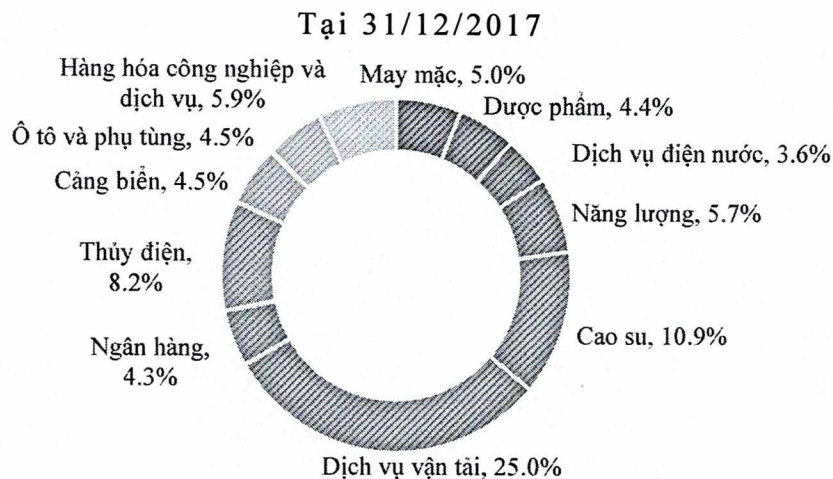
a. Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất:

- Danh mục đầu tư của quỹ phân bổ theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (*tính theo giá trị danh mục đầu tư*):

❖ Theo tài sản:

Cơ cấu tài sản Quỹ	31/12/2018 (%)	31/12/2017 (%)	31/12/2016 (%)
Danh mục cổ phiếu	79,34	70,52	0,51
Tiền gửi thanh toán và tiền gửi có kỳ hạn	20,45	29,38	99,48
Tài sản khác	0,21	0,10	0,01
Tổng cộng	100,00	100,00	100,00

❖ Theo ngành:



- Giá trị tài sản ròng của quỹ:

	31/12/2018 (VNĐ)	31/12/2017 (VNĐ)	31/12/2016 (VNĐ)
GTTSR	94.058.313.110	99.132.975.148	85.305.195.930

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ:

	31/12/2018 (VNĐ)	31/12/2017 (VNĐ)	31/12/2016 (VNĐ)
GTTSR/CCQ	10.586	11.619	10.002

- Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành:

	31/12/2018 (VNĐ)	31/12/2017 (VNĐ)	31/12/2016 (VNĐ)
Số CCQ	8.884.479,75	8.531.741,60	8.528.800,00

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị cao nhất và thấp nhất trong năm:

	Năm 2018 (VNĐ)	Năm 2017 (VNĐ)	Năm 2016 (VNĐ)
GTTSR/CCQ cao nhất	12.725	11.619	10.002
GTTSR/CCQ thấp nhất	10.107	10.000	10.000

- Tổng lợi nhuận của quỹ:

Chi tiêu	Năm 2018 (VNĐ)	Năm 2017 (VNĐ)	Năm 2016 (VNĐ)
Thu nhập từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (<i>giá trị lãi vốn</i>)	(13.536.251.835)	11.028.334.550	10.670.000
Thu nhập từ lợi tức chứng khoán (<i>cổ tức, tiền gửi...</i>)	3.791.646.943	3.216.625.586	36.657.844
Chênh lệch mua bán chứng khoán	2.410.246.435	1.470.286.750	-
Thu nhập khác	-	-	-
Tổng chi phí	2.278.465.907	2.065.681.548	30.131.914
Tổng lợi nhuận	(9.612.824.364)	13.649.565.338	17.195.930

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (*giá trị thuần và giá trị gộp*) trong kỳ báo cáo: không có.
- Thời điểm phân chia lợi nhuận: không có.
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: không có.
- Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ:

Tỷ lệ chi phí cuối quý II năm 2018	2,20%
Tỷ lệ chi phí cuối quý IV năm 2018	2,27%

- Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay danh mục:

Tốc độ vòng quay danh mục cuối quý II năm 2018	33,44%
--	--------

Tốc độ vòng quay danh mục cuối quý IV năm 2018	8,94%
--	-------

b. Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:

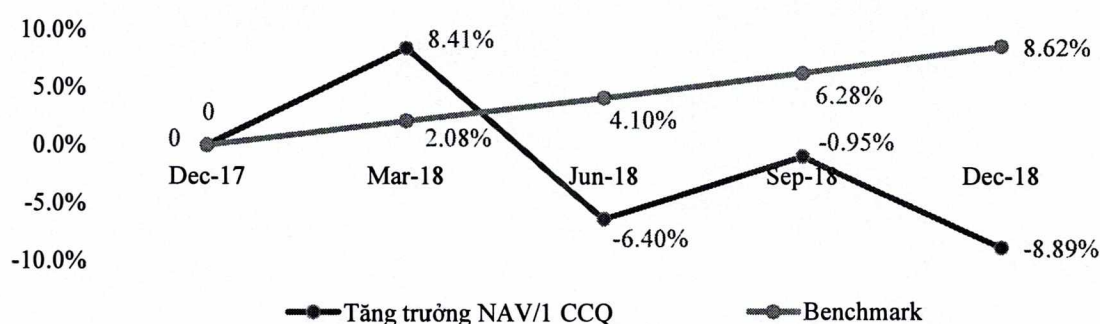
- Trong thời hạn 12 tháng (1 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 1 năm): (9.612.824.364) VNĐ.
- Trong thời hạn 36 tháng (3 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 3 năm): 2.018.370.487 VNĐ.
- Trong thời hạn 60 tháng (5 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 5 năm): không có.

c. Các chỉ tiêu so sánh khác:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: phương pháp giá trị tài sản được quy định trong Sổ tay định giá được lập bởi Công ty Quản lý quỹ, được Ban Đại diện Quỹ thông qua và kiểm tra, rà soát bởi Ngân hàng giám sát BIDV – Chi nhánh Hà thành.
 - Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: Giá chứng khoán được cung cấp bởi các tổ chức dịch vụ cung cấp báo giá độc lập, uy tín trên thị trường
- d. Báo cáo khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.**

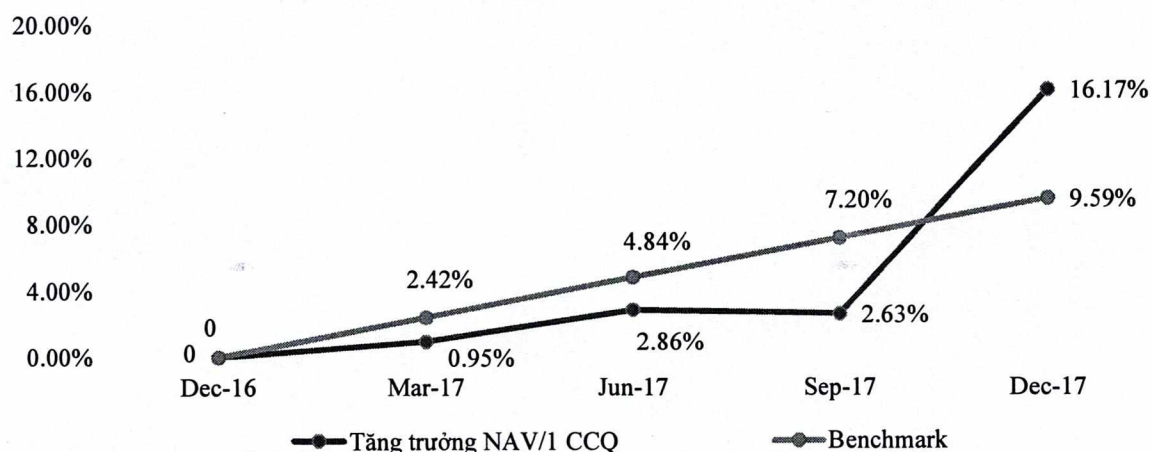
3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ:

- a. Thuyết minh về việc thay đổi Công ty Quản lý quỹ (nếu có): không có.
- b. Thuyết minh về việc Quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư: Trong năm 2018, quỹ ghi nhận mức tăng trưởng -8,89%, thấp hơn tăng trưởng của benchmark – bình quân lãi suất TPCP kỳ hạn 10% + 4% ở mức 8,62%
- c. So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong kỳ báo cáo (bằng đồ thị):

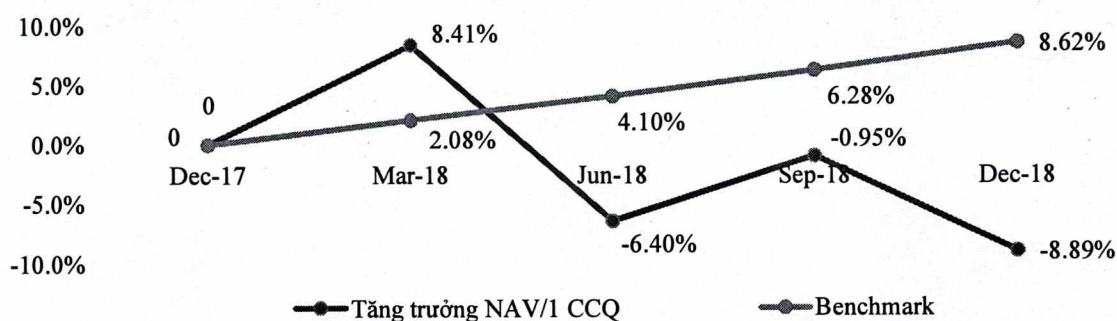


- d. So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị):

Tăng trưởng NAV/ 1 CCQ so với benchmark năm 2017



Tăng trưởng NAV/1 CCQ so với benchmark năm 2018



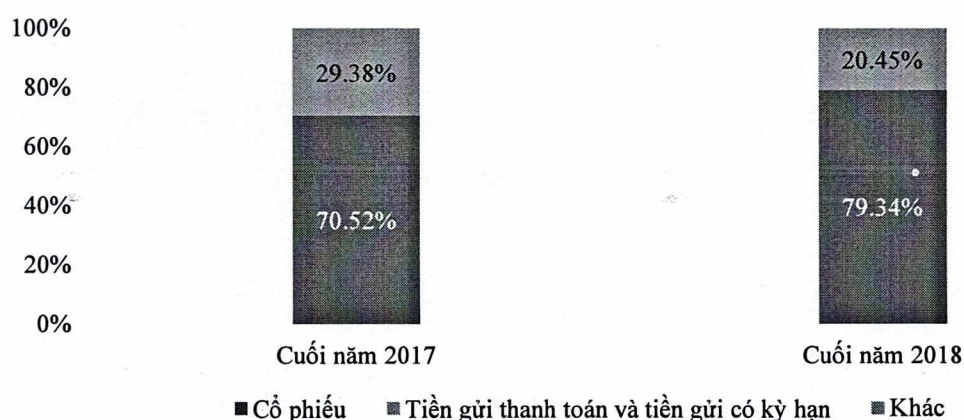
- e. Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo:

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư chủ động (*active*), trong đó tập trung đầu tư vào các cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam (*HSX, HNX, UpCom*) dựa trên phương pháp phân tích cơ bản (*fundamental analysis - FA*). Cổ phiếu được lựa chọn đầu tư phải đáp ứng các tiêu chí đầu tư của Công ty Quản lý quỹ, đảm bảo phản ánh chính

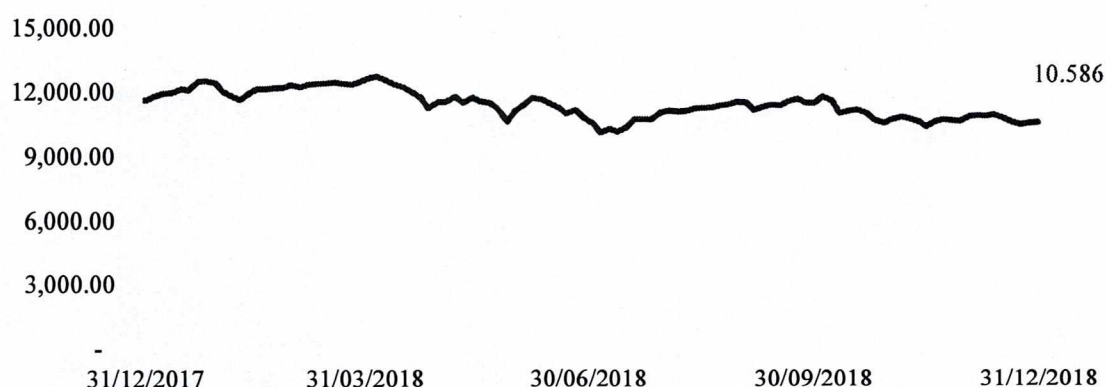
xác các yếu tố cốt lõi trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Cổ phiếu của các doanh nghiệp mà Công ty Quản lý quỹ có lợi thế thông tin, có quá trình theo dõi, cập nhật liên tục sẽ được ưu tiên. Trong quá trình đầu tư, các yếu tố thị trường của cổ phiếu có thể được xem xét và đóng vai trò hỗ trợ đối với việc ra quyết định đầu tư.

Quỹ tìm kiếm cơ hội đầu tư đối với cả cổ phiếu tăng trưởng (*growth stocks*) và cổ phiếu giá trị (*value stocks*), không giới hạn về quy mô vốn hóa của cổ phiếu, để lựa chọn được các cơ hội đầu tư tối ưu, mang lại hiệu quả đầu tư cao nhất cho Quỹ. Phương pháp đầu tư được sử dụng chủ yếu là phương pháp tiếp cận từ trên xuống (*top – down approach*), các cổ phiếu sẽ được ưu tiên mua và nắm giữ (*buy and hold*) trong khoảng thời gian trung - dài hạn. Tuy nhiên, tùy thuộc vào biến động của thị trường trong ngắn hạn, Công ty Quản lý quỹ sẽ xem xét thực hiện linh hoạt các giải pháp để gia tăng hiệu quả đầu tư.

- f. Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề báo cáo:



- g. Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có):



h. Đánh giá biến động của thị trường:

Kinh tế vĩ mô

- GDP năm 2018 tăng trưởng đạt 7,08% - cao nhất kể từ năm 2008 đến nay;
- CPI bình quân kiểm soát tăng 3,54% so với 2017 (*kế hoạch năm 2018: CPI <4%*);

Thị trường tiền tệ

- Cả năm 2018, tỷ giá trung tâm tăng 1,7 - 1,8%, tỷ giá tại các ngân hàng thương mại tăng 2,16%
- Thanh khoản hệ thống ngân hàng đảm bảo;
- Lãi suất huy động tăng nhẹ trong khoảng 0,1 - 0,5%;
- Lãi suất cho vay ít biến động;

Thị trường trái phiếu

- Trên thị trường sơ cấp, kho bạc nhà nước đã phát hành được 118.416 tỷ đồng (59,8% *kế hoạch năm*), chủ yếu là kỳ hạn 10 - 15 năm. Kỳ hạn bình quân trái phiếu chính phủ nâng lên mức 12,4 năm, cao hơn 0,5 năm so với mức bình quân năm 2017;
- Lãi suất trúng thầu giảm mạnh trong quý I và tăng lại vào các quý cuối năm tiệm cận gần mức lãi suất cuối năm 2017. Biên độ tăng thể hiện rõ nét tại kỳ hạn ngắn;
- Thị trường thứ cấp sôi động, lợi suất trái phiếu đã hồi phục nhẹ sau biến động giảm đầu năm. Thị trường trái phiếu doanh nghiệp tiếp tục sôi động ở nhóm chứng khoán và bất động sản;

Thị trường cổ phiếu

- VN Index đóng cửa phiên cuối tháng 12 tại mức 892.54 điểm, khép lại một năm đầy biến động của thị trường chứng khoán Việt Nam. Chỉ số giảm 9,31% trong cả năm. Quy mô vốn hoá thị trường cổ phiếu đã đạt hơn 3,9 triệu tỷ đồng, tăng 12,7% so với năm 2017, tương đương với 71,6% GDP năm 2018. Khối ngoại mua ròng hơn 44 ngàn tỷ đồng trên sàn HoSE;

Thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với loại tài sản là cổ phiếu:

TT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Cổ tức được chia	2.921.539.200
2	Lãi bán các khoản đầu tư	2.410.246.435
3	Chênh lệch tăng/giảm đối với các khoản đầu tư chưa thực hiện	(13.536.251.835)
4	Thu nhập khác	-

5	Chi phí giao dịch mua/bán cổ phiếu	82.215.812
	Lợi nhuận đầu tư cổ phiếu	(8.286.682.012)

- i. Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có): không có.
- j. Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: không có.
- k. Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): không có.
- l. Các thông tin khác (nếu có): không có.

4. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

- a. Thuyết minh về việc thay đổi Ngân hàng giám sát (nếu có): không có.
- b. Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản Cáo bạch:

Trong năm 2018, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt về cơ bản đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở. Tuy nhiên, tại các kỳ định giá báo cáo xác định giá trị tài sản ròng từ ngày 29/06/2018 đến ngày 30/06/2018, từ ngày 03/07/2018 đến ngày 17/07/2018, từ ngày 31/07/2018 đến ngày 10/09/2018, từ ngày 27/12/2018 đến ngày 31/12/2018, do biến động giá thị trường, tỷ lệ tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ vượt quá hạn mức tối đa 40% quy định tại khoản 1.d, điều 11 của Điều lệ Quỹ và khoản 4.f, điều 15 của Thông tư 183/2011/TT-BTC.

Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đáp ứng các hạn mức đầu tư trong thời hạn theo quy định pháp luật và điều lệ Quỹ.

- c. Việc xác định giá trị tài sản ròng đã phù hợp với quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản Cáo bạch.
- d. Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ đã phù hợp với quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản Cáo bạch.

- Chi tiết về việc phát hành CCQ

Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2017	8.531.741,60 CCQ
Tổng số chứng chỉ Quỹ phát hành thêm trong kỳ	1.332.900,77 CCQ
Tổng số chứng chỉ Quỹ mua lại trong kỳ	(980,162.62) CCQ

Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2018

8.884.479,75 CCQ

e. Việc phân chia lợi nhuận của quỹ là phù hợp với mục tiêu đầu tư của quỹ: Không có.

5. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN

a. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

Chỉ tiêu (từ ngày 31/12/2017 đến ngày 31/12/2018)	Số tiền hoặc tỷ lệ
Tổng chi phí ủy quyền trong kỳ (VNĐ)	132.115.000
% Tổng chi phí ủy quyền/Lợi nhuận	-1,37
% Tổng chi phí ủy quyền/Thu nhập	-1,80
% Tổng chi phí ủy quyền/Tổng chi phí	5,80

b. Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: không có.

c. Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ): Trung tâm Lưu ký Chứng Khoán Việt Nam nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt và Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ phân phối chứng chỉ quỹ.

Chỉ tiêu (từ ngày 31/12/2017 đến ngày 31/12/2018)	Số tiền hoặc tỷ lệ
Tổng chi phí ủy quyền trong kỳ (VNĐ)	132.115.000
Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	132.000.000
Chi phí trả cho Đại lý phân phối	115.000

d. Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư: Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng được ủy quyền cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt nam (VSD). Dịch vụ phân phối chứng chỉ quỹ được ủy quyền cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) và Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản (JSI). Theo đánh giá của BVF, VSD, BVSC và JSI đều là các đơn vị có uy tín, kinh nghiệm trên thị trường, với đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, tính chuyên nghiệp trong quá trình cung cấp dịch vụ, có hệ thống phần mềm

theo chuẩn quốc tế và các phòng, bộ phận chức năng được thiết lập và hoạt động độc lập... Vì vậy, khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa của các bên nhận ủy quyền cho Quỹ BVPF được bảo đảm hoạt động thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư cũng như công ty quản lý quỹ.

Trên đây là Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ trong năm 2018 của Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt đối với Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Triển vọng Bảo Việt (BVPF).

Trân trọng./.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đình An

PHỤ LỤC: ĐIỀU LỆ QUỸ BVPF SỬA ĐỔI

TT	Nội dung hiện tại	Dự kiến sửa đổi	Lý do
1 Ngày	Là ngày làm việc dương lịch, trừ các ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ, Tết theo quy định của pháp luật Việt Nam	Bỏ	Theo Điều 25, Thông tư 15
2 Điều 6	Công ty Quản lý Quỹ Điện thoại: (84-4) 3 928 9589 Fax: (84-4) 3 928 9590	Công ty Quản lý Quỹ Điện thoại: (84-24) 3 928 9589 Fax: (84-24) 3 928 9590	Cập nhật mã vùng điện thoại
3 Điều 7	Ngân hàng Giám sát Điện thoại: (84-4) 3 941 1840 Fax: (84-4) 3 941 1847	Ngân hàng Giám sát Điện thoại: (84-24) 3 941 1840 Fax: (84-24) 3 941 1847	Cập nhật mã vùng điện thoại
4 Điều 10	Không có	Bổ sung Khoản 1 1. Việc đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 2 Điều 9 phải đáp ứng các điều kiện sau: a) Có quy định tại điều lệ quỹ và bản cáo bạch; b) Đã được ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; c) Có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn mười hai (12) tháng, kể từ ngày thực hiện giao dịch	Theo quy định tại Khoản 3, Điều 15, Thông tư 183
5 Điều 12	Không có	1. Các giao dịch mua, bán chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán cho quỹ phải được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch tập trung của Sở Giao dịch Chứng khoán. 2. Đối với các giao dịch theo phương	Theo quy định tại Điều 17, Thông tư 183

thức thỏa thuận (trừ trường hợp giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán), các giao dịch mua, bán chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch, công ty quản lý quỹ phải bảo đảm:

a) Được sự chấp thuận bằng văn bản của ban đại diện quỹ về mức giá dự kiến, thời điểm thực hiện, đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch trước khi thực hiện giao dịch;

b) Trường hợp mức giá thực tế mua cao hơn hoặc giá bán thực tế thấp hơn giá tham chiếu của các tổ chức cung cấp báo giá, hoặc mức giá đã được chấp thuận theo quy định tại điểm a khoản này, công ty quản lý quỹ phải giải thích rõ lý do để ban đại diện quỹ xem xét, quyết định

6 Điều 12

Không có

Điều 13

4. Phương pháp lựa chọn đầu tư với tài sản là chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán:

Căn cứ vào đánh giá về điều kiện thị trường và nhận định về xu hướng vận động của tài sản cơ sở, Công ty quản lý Quỹ sẽ lựa chọn các chứng khoán phái sinh để đầu tư nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho danh mục

Bổ sung phương pháp lựa chọn đầu tư cho các tài sản được phép đầu tư tại Điều 9

7 Điều 27

2. Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá; nguyên tắc và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng; danh sách, hạn mức (nếu có) cho các ngân hàng nhận tiền gửi, các tổ chức phát hành công cụ thị trường tiền tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng; chính sách quản lý rủi ro; chấp thuận các giao dịch tài sản của Quỹ theo thẩm quyền đối với các giao dịch

Điều 28

2. Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá; nguyên tắc và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng; phê duyệt danh sách, hạn mức (nếu có) cho các ngân hàng nhận tiền gửi của quỹ, công cụ tiền tệ và các tài sản mà quỹ được phép đầu tư theo quy định tại điểm a, b, e, Khoản 2 Điều 9 Điều lệ này; chấp thuận các giao dịch tài sản của Quỹ quy định tại Khoản 2

Theo quy định tại Khoản 5, Điều 28, Thông tư 183

theo phương thức thỏa thuận. Các quyết định được đưa ra trên cơ sở thận trọng nhất để đảm bảo an toàn tài sản của Quỹ

8 Điều 51

4. Trong thời hạn tối đa 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày định giá, sau khi có xác nhận của Ngân hàng Giám sát, giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ phải được công bố cho Nhà đầu tư trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, đại lý phân phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

Điều 12 Điều lệ này. Các quyết định được đưa ra trên cơ sở thận trọng nhất để đảm bảo an toàn tài sản của Quỹ

Điều 52

Bỏ cụm từ “tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan”

Theo quy định tại Khoản 24, Điều 1, Thông tư 15

